

TỔNG CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2015

Hà Nội, Ngày tháng 08 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2015

Hà Nội, Ngày tháng 08 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2015**

Tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015


MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		875.084.330.681	937.422.743.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		224.760.527.411	277.553.507.031
1. Tiền	111	5	86.046.797.799	48.522.612.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		138.713.729.612	229.030.894.438
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	110.702.467.845	61.830.644.250
1. Chứng khoán kinh doanh	121		287.396.250	287.396.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(8.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		110.415.071.595	61.551.248.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		342.959.027.916	389.116.144.010
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	209.380.883.330	263.622.902.630
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	81.510.681.080	94.858.301.708
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	78.524.202.236	56.332.453.208
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(26.456.738.730)	(25.697.513.536)
IV. Hàng tồn kho	140	10	185.428.931.223	198.182.312.635
1. Hàng tồn kho	141		187.970.466.995	202.652.349.132
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.541.535.772)	(4.470.036.497)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.233.376.286	10.740.135.828
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.313.035.700	2.135.741.908
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.415.496.353	7.175.779.806
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.504.844.233	1.428.614.114
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260+269)	200		334.482.765.604	328.822.046.447
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.451.790.961	462.489.294
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	8.330.535.680	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	4.121.255.281	462.489.294
II. Tài sản cố định	220		130.527.716.164	141.853.229.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221		82.582.776.592	93.541.360.726
- Nguyên giá	222		189.786.700.893	202.701.159.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.203.924.301)	(109.159.798.639)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	47.944.939.572	48.311.868.371
- Nguyên giá	228		53.067.147.331	53.078.347.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.122.207.759)	(4.766.478.960)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	11.175.375.561	11.753.618.713
- Nguyên giá	231		35.891.080.307	35.891.080.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.715.704.746)	(24.137.461.594)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	28.716.723.925	26.198.614.897
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.716.723.925	26.198.614.897
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		122.803.301.247	119.206.970.863
1. Đầu tư vào công ty con	251		93.668.453.958	36.687.275.412
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	40.275.495.137	54.451.320.588
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	45.852.790.000	45.852.790.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(56.993.437.848)	(17.784.415.137)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.409.184.878	22.867.576.842
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.628.839.454	13.297.894.041
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9.770.345.424	9.569.682.801
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	-
VII. Lợi thế thương mại	269		5.398.672.868	6.479.546.741
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.209.567.096.285	1.266.244.790.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		453.011.972.434	398.395.227.483
I. Nợ ngắn hạn	310		440.454.246.726	386.571.063.057
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	133.260.924.675	100.321.198.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.530.845.117	47.449.455.592
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		13.755.790.074	21.627.164.405
4. Phải trả người lao động	314		5.335.427.195	6.157.464.244
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.191.054.936	11.665.381.081
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		666.424.905	1.273.712.841
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	166.915.932.373	95.429.534.786
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	58.243.544.773	93.882.814.107
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.008.312.020	4.372.574.208
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.545.990.658	4.391.763.623
II. Nợ dài hạn	330		12.557.725.708	11.824.164.426
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	3.019.458.091	2.898.112.500
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	7.804.806.304	7.181.507.501
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		550.541.610	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		738.375.278	1.300.000.000
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		444.544.425	444.544.425
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		756.555.123.851	867.849.562.718
I. Vốn chủ sở hữu	410		740.339.982.445	849.121.874.195
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(14.607.244.674)	(14.522.301.419)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		55.603.077.555	50.567.019.547
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.384.363.643	155.972.271.574
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		83.531.434.990	163.324.071.147
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.147.071.347)	(7.351.799.573)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		181.933.166.216	219.078.264.788
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		16.215.141.406	18.727.688.523
1. Nguồn kinh phí	431		16.215.141.406	18.727.688.523
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.209.567.096.285	1.266.244.790.201


Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 08 năm 2015


Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng


TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC
VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - HÀ NỘI
Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2015

MÃ SỐ B 02a-DN/HN
Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II			Lũy kế từ đầu năm
				Quý II năm 2015	Quý II năm 2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	
	1	2	3	4	5	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		141,552,560,735	190,825,047,900	284,771,106,591	304,034,870,532
2.	Các khoản giảm trừ	03		1,967,483,712	1,713,733,882	2,818,499,941	1,921,271,702
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	139,585,077,023	189,111,314,018	281,952,606,650	302,113,598,830
4.	Giá vốn hàng bán	11	27	117,939,448,657	163,377,194,287	234,687,828,451	255,452,151,957
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21,645,628,366	25,734,119,731	47,264,778,199	46,661,446,873
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	9,373,037,543	14,666,514,910	14,176,251,180	23,059,854,487
7.	Chi phí tài chính	22	29	216,744,072	3,887,102,850	1,776,718,814	6,134,784,457
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					1,196,970,761
8.	Chi phí bán hàng	24		13,089,495,601	12,119,084,740	27,385,464,224	21,940,007,228
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20,481,479,611	19,635,835,775	38,412,947,246	34,400,062,765
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2,769,053,375)	4,758,611,276	(6,134,100,905)	7,246,446,910
11.	Thu nhập khác	31		1,294,701,117	42,049,489,968	1,630,868,726	43,488,077,137
12.	Chi phí khác	32	30	491,185,291	624,259,070	526,565,567	818,429,904
13.	Lợi nhuận khác	40		803,515,826	41,425,230,898	1,104,303,159	42,669,647,233
14.	Phản lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	50		(1,965,537,549)	47,467,582,537	(5,029,797,746)	51,199,834,506
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51	31	363,924,692	9,215,642,652	726,761,901	10,693,288,234
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52		(59,575,892)	(126,380,599)	349,878,986	55,700,260
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60		(2,269,886,349)	38,378,320,484	(6,106,438,633)	40,450,846,012
18.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số			(1,959,367,376)	14,889,222,880	(1,959,367,376)	16,686,071,538
18.2	Lợi ích sau thuế của cổ đông công ty mẹ			(4,147,071,257)	23,489,097,604	(4,147,071,257)	23,764,774,474
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			536		543

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	400.555.878.536	344.019.377.244
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(268.445.712.094)	(231.875.371.864)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(32.062.243.562)	(38.653.168.802)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.970.866.530)	(5.850.651.857)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.612.674.767)	(11.403.332.276)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24.714.419.187	114.177.069.232
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(77.949.204.514)	(190.071.385.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.229.596.256	(19.657.463.879)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.412.920.209)	(90.458.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(191.798)	670.442.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(219.420.000.000)	(57.364.826.129)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	176.670.000.000	62.984.366.958
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(81.570.282.988)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	96.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.213.579.700	18.620.021.477
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.949.532.307)	39.649.263.273
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	5.142.531.132
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(882.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	67.181.445.911	81.662.519.142
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(119.382.315.246)	(120.670.368.795)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.162.787.345)	(6.907.213.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(57.363.656.680)	(41.654.532.166)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(52.083.592.731)	(21.662.732.772)
Điều chỉnh do hợp nhất (i)		(711.023.731)	(586.858.156)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	277.553.507.031	170.436.341.570
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.636.842	(179.089.837)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	224.760.527.411	148.007.660.805

(i) Điều chỉnh là do Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất này được lập trên cơ sở báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa và Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức, trong khi số liệu đầu kỳ tương ứng được lấy trên báo cáo tài chính hợp nhất tại 01/01/2015 của hai Công ty này.


Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 08 năm 2015


Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng


Lữn Hoàng Long
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch VIETNAM ELECTRONICS AND INFOMATICS JOINT STOCK CORPORATION, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116 QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 2/1/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 1/3/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Tổng Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập

Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	<u>438.000.000.000</u>	<u>43.800.000</u>	<u>100,00%</u>

Trụ sở hoạt động theo đăng ký kinh doanh tại: Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2015 là 138 người (tại ngày 01/01/2015 là 149 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện;
- Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV;
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực điện tử và tin học;
- Nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con được hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm:

Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp

Các công ty liên kết trình bày theo giá gốc

Công ty Cổ phần Viettronimex
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Giồng tầm Mai Lĩnh
Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics
Công ty TNHH Panasonic AVC Việt Nam

Công ty liên doanh trình bày theo giá gốc

Công ty Liên doanh điện tử Y tế kỹ thuật cao Amec

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

357
IG T
AN
TIN
NAM
A-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

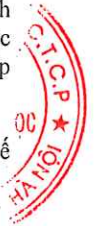
Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 50
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 – 10
Máy móc, thiết bị	03 – 20
Thiết bị quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm máy tính khấu hao từ 3-5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 năm đến 50 năm.

Tại ngày 30/06/2015 chưa có cơ sở để Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên không trình bày giá trị hợp lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.674.816.519	2.687.405.344
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	82.371.981.280	45.835.207.249
Các khoản tương đương tiền	138.713.729.612	229.030.894.438
Cộng	<u>224.760.527.411</u>	<u>277.553.507.031</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a. Chứng khoán kinh doanh	<u>287.396.250</u>	<u>287.396.250</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	287.396.250	287.396.250
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<u>110.415.071.595</u>	<u>61.543.248.000</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn	100.608.248.000	57.493.248.000
- Các khoản cho vay	9.806.823.595	4.058.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(8.000.000)
	<u>110.702.467.845</u>	<u>61.830.644.250</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại:</i>	<i>209.380.883.330</i>	<i>263.622.902.630</i>
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	9.751.339.006	9.839.587.872
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	16.253.416.003	13.520.258.259
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	6.196.415.060	6.460.063.910
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	15.830.743.688	13.090.659.203
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	45.342.644.821	42.267.029.214
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	13.470.205.233	17.132.787.983
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	17.728.217.558	30.092.704.960
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	25.858.672.623	3.914.177.185
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học VN	58.949.229.338	127.305.634.044
Cộng	<u>209.380.883.330</u>	<u>263.622.902.630</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn tại:</i>	<i>81.510.681.080</i>	<i>94.858.301.708</i>
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	988.712.033	1.457.945.412
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	387.403.338	1.597.648.479
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	4.770.029.600	5.891.142.850
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	42.192.325.025	45.453.998.276
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	3.766.540.539	16.144.366.016
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	3.490.884.786	3.214.505.031
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	3.973.992.507	3.598.745.418
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	6.049.659.870	9.068.999.246
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam	15.891.133.382	8.430.950.980
<i>b. Trả trước cho người bán dài hạn tại:</i>	<i>8.330.535.680</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	8.330.535.680	-
Cộng	<u>89.841.216.760</u>	<u>94.858.301.708</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a. Phải thu khác ngắn hạn khác:	78.524.202.236	56.332.453.208
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	39.280.959	10.859.000
Phải thu về cổ phần hóa	1.165.274.174	1.165.274.174
Cục Cảnh sát biển	-	3.631.748.654
Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	2.694.230.000
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	2.107.997.573
Phải thu từ thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.502.658.918	1.502.658.918
Tạm ứng	15.145.188.704	23.641.805.434
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	567.696.671	2.020.907.367
Phải thu khác	41.497.405.457	17.169.968.416
<i>Phải thu ngắn hạn khác tại:</i>	<i>13.804.469.780</i>	<i>2.387.003.672</i>
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	2.887.033.924	731.715.774
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.483.239.074	1.129.762.404
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	2.434.196.782	525.525.494
b. Phải thu khác dài hạn tại	4.121.255.281	462.489.294
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	3.658.140.004	-
Công ty CP Viettronics Tân Bình	266.287.277	249.358.099
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	50.000.000	-
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	15.500.000	15.500.000
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam	131.328.000	197.631.195
Cộng	82.645.457.517	56.794.942.502

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	1.540.663.945
Nguyên liệu, vật liệu	26.066.881.770	36.068.292.998
Công cụ, dụng cụ	220.760.533	177.488.937
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.502.997.043	35.259.573.925
Thành phẩm	61.273.261.518	51.379.620.477
Hàng hóa	63.966.835.224	71.002.974.923
Hàng gửi bán	-	7.223.733.927
Hàng hóa kho bảo thuế.	1.906.275.327	-
Giá gốc hàng tồn kho	187.937.011.415	202.652.349.132
Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	(2.541.535.772)	(4.470.036.497)
Cộng	185.395.475.643	198.182.312.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a. Chi phí trả trước dài hạn	22.670.116.365	21.018.449.640
Thuê nhà văn phòng làm việc tòa nhà HH3	4.247.161.624	4.379.222.228
Công cụ dụng cụ	112.994.464	155.283.761
Chi phí cho giai đoạn tiền hoạt động của Asamled	-	698.012.551
Chi phí trả trước dài hạn khác	227.406.455	344.819.902
b. Chi phí trả trước tại:	9.041.276.911	7.720.555.599
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam	1.169.475.734	1.172.557.813
Công ty CP Viettronics Tân Bình	6.457.158.812	6.271.637.786
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	1.414.642.365	276.360.000
	<u>13.628.839.454</u>	<u>13.297.894.041</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	51.215.752.144	1.862.595.187	53.078.347.331
Giảm khác	-	(11.200.000)	(11.200.000)
Tại ngày 30/06/2015	51.215.752.144	1.851.395.187	53.067.147.331
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	3.267.092.693	1.499.386.267	4.766.478.960
Khấu hao trong năm	304.500.276	62.428.523	366.928.799
Giảm khác	-	(11.200.000)	(11.200.000)
Tại ngày 30/06/2015	3.571.592.969	1.550.614.790	5.122.207.759
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	47.948.659.451	363.208.920	48.311.868.371
Tại ngày 30/06/2015	47.644.159.175	300.780.397	47.944.939.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2015	3.811.392.900	19.368.137.763	12.711.549.644	35.891.080.307
Số dư tại 30/06/2015	3.811.392.900	19.368.137.763	12.711.549.644	35.891.080.307
HAO MÒN LUY KẾ				
Số dư tại 01/01/2015	1.522.392.884	12.994.475.170	9.620.593.540	24.137.461.594
Trích khấu hao trong năm	29.408.994	179.025.862	369.808.296	578.243.152
Số dư tại 30/06/2015	1.551.801.878	13.173.501.032	9.990.401.836	24.715.704.746
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2015	2.289.000.016	6.373.662.593	3.090.956.104	11.753.618.713
Số dư tại 30/06/2015	2.259.591.022	6.194.636.731	2.721.147.808	11.175.375.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

14. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	28.716.723.925	28.716.723.925	26.198.614.897	26.198.614.897
Khu đô thị mới Cầu Giấy	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182
Dự án Điện tim	15.082.768.554	15.082.768.554	15.082.768.554	15.082.768.554
Dự án 21 Đông Các	1.220.277.685	1.220.277.685	1.111.186.776	1.111.186.776
Sàn 11 MIPEC	1.606.311.527	1.606.311.527	-	-
Dự án Xây dựng cao ốc văn phòng số 06 Phạm Văn Hai	1.916.144.227	1.916.144.227	1.916.144.227	1.916.144.227
Dự án Xây dựng Cát Lái	1.668.765.818	1.668.765.818	1.606.038.545	1.606.038.545
Xây dựng nhà kho	-	-	548.083.100	548.083.100
Chi phí xây dựng nhà 7 tầng	259.222.818	259.222.818	259.222.818	259.222.818
Các công trình khác	2.509.885.114	2.509.885.114	1.221.822.695	1.221.822.695
	28.716.723.925	28.716.723.925	26.198.614.897	26.198.614.897

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh				
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>				
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	2.142.000	38.998.900.000	-	38.488.900.000
Công ty CP Viettronimex	108.689	21.420.000.000	2.142.000	21.420.000.000
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	20.665	10.868.900.000	108.689	10.868.900.000
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	180.000	2.066.500.000	20.665	2.066.500.000
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	-	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty CP Máy tính Việt Nam	8.555	1.178.000.000	-	1.178.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics	30.000	855.500.000	8.555	855.500.000
Công ty Bé tổng lý tám Thủ Đức 1		300.000.000	30.000	300.000.000
Công ty CP TM DV Bình Minh		510.000.000		-
<i>Góp vốn liên doanh</i>				
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec		1.276.595.137		1.276.595.137
Cộng giá gốc		40.275.495.137		39.765.495.137
Lãi trong Công ty liên kết, liên doanh		-		14.685.825.451
Tổng cộng		40.275.495.137		54.451.320.588

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin của các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	30/06/2015		01/01/2015	
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết							
Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	46,25%	46,25%		45.852.790.000		45.852.790.000
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	33,77%	33,77%	1.498.680	29.621.270.000	1.498.680	29.621.270.000
Công ty CP Máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	28,50%	28,50%	1.048.000	10.480.000.000	1.048.000	10.480.000.000
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	Hà Nội	35,70%	35,70%	311.100	3.111.000.000	311.100	3.111.000.000
Công ty CP TM DV Bình Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Góp vốn liên doanh							
Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội	49,00%	49,00%	-	-	29.402	294.020.000
				-	840.520.000	-	546.500.000
Cộng					45.852.790.000		45.852.790.000

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư dài hạn khác							
Đầu tư cổ phần vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương							
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1				1.498.680	29.621.270.000	1.498.680	29.621.270.000
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng				1.048.000	10.480.000.000	1.048.000	10.480.000.000
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An				311.100	3.111.000.000	311.100	3.111.000.000
Đầu tư cổ phần vào Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam				180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác				-	-	29.402	294.020.000
				-	840.520.000	-	546.500.000
Cộng					45.852.790.000		45.852.790.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (Tiếp theo)

Thông tin của các công ty góp vốn khác tại ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	Thành phố Nghệ An	15,00%	15,00%
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	12,44%	12,44%
Công ty Bé tông ly tâm Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	6,55%	6,55%

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	133.260.924.675	133.260.924.675	100.321.198.170	100.321.198.170
Công ty Cổ phần Viettronics Đông Đa	2.511.754.665	2.511.754.665	3.684.448.063	3.684.448.063
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	141.629.751	141.629.751	1.069.766.663	1.069.766.663
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	886.428.456	886.428.456	1.773.738.669	1.773.738.669
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	13.981.873.129	13.981.873.129	16.335.229.139	16.335.229.139
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	24.937.206.004	24.937.206.004	11.953.246.132	11.953.246.132
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	4.475.211.200	4.475.211.200	2.298.905.590	2.298.905.590
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	11.008.054.132	11.008.054.132	16.608.915.494	16.608.915.494
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	10.600.332.574	10.600.332.574	10.144.546.445	10.144.546.445
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học VN	64.718.434.764	64.718.434.764	36.452.401.975	36.452.401.975
	133.260.924.675	133.260.924.675	100.321.198.170	100.321.198.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
DN/HN

MẪU SỐ B 09a –

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	166.915.932.373	95.429.534.786
Kinh phí Công đoàn	216.450.133	119.377.079
Các loại bảo hiểm trích theo lương	359.847.214	620.113.994
Phải trả các cổ đông	-	28.535.870
Phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	6.409.316.550
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	82.815.005.319	5.422.835.849
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	11.901.942.954	20.352.613.860
Phải trả CBCNV - tiền ứng trước mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Các khoản phí của sinh viên do Trường thu	2.034.690.862	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.533.276.605	10.073.017.035
Các khoản phải trả, phải nộp khác tại:	53.752.319.286	51.101.324.549
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	6.295.702.339	201.511.304
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	15.027.524.869	15.216.957.440
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	1.225.561.690	843.797.983
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	31.203.530.388	34.839.057.822
Cộng	<u>166.915.932.373</u>	<u>95.429.534.786</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn tại:	58.243.544.773	23.146.598.847	93.882.814.107	93.882.814.107
Tổng Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam	4.113.804.051	4.113.804.051	48.161.814.107	48.161.814.107
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	13.732.794.796	13.732.794.796	-	-
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	5.300.000.000	5.300.000.000	23.900.000.000	23.900.000.000
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.753.398.151	2.753.398.151	5.145.000.000	5.145.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	10.541.600.000	10.541.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	17.387.000.000	17.387.000.000	16.676.000.000	16.676.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	4.414.947.775	4.414.947.775	-	-
	58.243.544.773	23.146.598.847	93.882.814.107	93.882.814.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a –DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí đào tạo chuyên sâu	1.611.254.000	1.767.842.000
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí	1.153.070.000	950.995.500
Doanh thu khác	255.134.091	179.275.000
	<u>3.019.458.091</u>	<u>2.898.112.500</u>

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Quý II năm 2015</u>	<u>Quý II năm 2014</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	141,552,560,735	190,825,047,900
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	87,336,352,335	165,346,251,432
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11,981,104,951	10,930,114,734
Doanh thu kinh doanh bất động sản		5,285,555,524
Doanh thu hoạt động xây dựng	42,124,774,350	9,164,612,809
Doanh thu bán vật tư	98,705,160	82,177,121
Doanh thu bán phế liệu	11,623,939	16,336,280
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1,967,483,712)	(1,713,733,882)
<i>Trong đó</i>		
- Chiết khấu thương mại		
- Hàng bán bị trả lại	(1,967,483,712)	(1,713,733,882)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	139,585,077,023	189,111,314,018

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Quý II năm 2015</u>	<u>Quý II năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	72,789,301,960	151,620,542,560
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4,034,305,752	2,398,451,567
Giá vốn kinh doanh bất động sản		1,021,413,433
Giá vốn hoạt động xây dựng	41055442761	8,423,688,479
Giá vốn vật tư	63713184	55,204,076
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-3315000	(142,105,828)
Tổng cộng	117,939,448,657	163,377,194,287

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAMSố 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh,
Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Quý II năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a –DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý II năm 2015	Quý II năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	4,371,240,405	10,009,923,947
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4,582,500,892	1,652,888,200
Doanh thu chuyển nhượng cổ phần		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		277,313,285
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	388,371,597	31,075,709
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30,924,649	2,695,313,769
Tổng cộng	9,373,037,543	14,666,514,910

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2015	Quý II năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay ngân hàng	-	2,640,719,959
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện		3,628,187
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		47,308,992
Chi phí tài chính khác	216,744,072	1,195,445,712
Tổng cộng	216,744,072	3,887,102,850



Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 08 năm 2015



Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc